

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Trần Sơn Hải	Chủ tịch	09/01/2019	
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	18/01/2017	09/01/2019
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Thành viên	09/01/2019	26/04/2019
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	18/01/2017	26/04/2019
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Đỗ Anh Tú	Thành viên	26/04/2019	
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên độc lập	26/04/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	26/04/2019	
Bà Huỳnh Việt Hà	Trưởng ban	17/10/2017	26/04/2019
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên	26/04/2019	
Ông Nguyễn Thế Trung	Thành viên	26/04/2019	
<u>Ban Tổng giám đốc</u>			
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	18/01/2017	
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Giám đốc khối tài chính	16/04/2019	
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư	01/03/2019	
Bà Võ Thị Xuân Lan	Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán	01/03/2019	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRẦN SƠN HẢI - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 45 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2018-037-1

NGÔ MINH LẬP - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3567-2017-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

37
NG
H
N
V
13

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B01a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		220.241.079.554	64.667.620.126
I. Tài sản tài chính	110		203.413.737.870	64.348.447.235
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	188.215.957.833	19.245.318.486
1.1. Tiền	111.1		162.715.957.833	1.145.318.486
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		25.500.000.000	18.100.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	3.706.568.500	20.034.380.770
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	10.000.000.000	15.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.3c	-	75.000.000
5. Các khoản phải thu	117		299.308.220	37.771.740.530
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	-	37.510.206.284
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài	117.2	V.4b	299.308.220	261.534.246
5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		299.308.220	261.534.246
6. Trả trước cho người bán	118	V.4c	1.184.440.824	-
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4d	7.462.493	9.732.213.733
8. Các khoản phải thu khác	122	V.4e	-	378.952.109.802
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.5	-	(416.462.316.086)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		16.827.341.684	319.172.891
1. Tạm ứng	131	V.6	15.982.291.348	32.400.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.7a	845.050.336	286.772.891
			-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		12.565.179.389	6.966.439.530
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.266.118.585	597.762.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.206.865.239	522.349.231
Nguyên giá	222		7.599.330.529	4.705.754.529
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.392.465.290)	(4.183.405.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	59.253.346	75.413.344
Nguyên giá	228		7.174.617.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.115.364.218)	(7.099.204.220)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.10	1.125.390.000	136.740.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		8.173.670.804	6.231.936.955
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.11	788.774.125	306.387.800
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.7b	3.334.078.466	2.003.074.175
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.12	4.050.818.213	3.922.474.980
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		232.806.258.943	71.634.059.656

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		11.032.352.523	14.749.649.798
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		11.032.352.523	14.749.649.798
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	8.050.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		6.943.600.000	404.244.067
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.13	1.190.770.037	2.835.926.128
4. Phải trả người lao động	323		85.459.927	713.967.677
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		219.160.696	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.14	953.089.204	1.085.085.614
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.15	1.640.272.659	1.660.426.312
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		221.773.906.420	56.884.409.858
I. Vốn chủ sở hữu	410		221.773.906.420	56.884.409.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	400.000.000.000	290.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	240.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	411.1a		400.000.000.000	240.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	50.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.17	(178.226.093.580)	(233.115.590.142)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(178.120.035.968)	(231.299.350.642)
2.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	417.2		(106.057.612)	(1.816.239.500)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		232.806.258.943	71.634.059.656

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.18a	416.991.895.249	529.579.163
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.16	40.000.000	24.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.18b	624.970.000	19.806.970.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.18c	3.000.000.000	3.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.18d	1.012.836.960.000	1.175.217.350.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		482.141.680.000	757.731.600.000
b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		530.410.280.000	416.911.450.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		285.000.000	574.300.000
2. Tiền gửi của khách hàng	026		12.563.662.626	12.270.969.020
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.18e	12.563.662.626	12.270.969.020
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.18f	12.563.662.626	12.270.969.020
3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		12.507.017.606	12.209.825.528
3.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		56.645.020	61.143.492
4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.18g	1.620.849.159	1.620.849.159

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



TRẦN SƠN HẢI
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
 Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B02a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/6/2019	đến 30/6/2018
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.110.966.699	2.855.738.166
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VI.1	187.775.781	687.536.566
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	VI.2	1.923.145.218	1.562.051.100
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	VI.3	45.700	606.150.500
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	1.756.458.872	834.074.348
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.4	3.977.024	58.620.877
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.5	206.211.045	1.721.623.427
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.5	320.000.000	54.545.455
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.5	6.065.533.463	217.496.479
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.5	18.372.500.000	84.673
1.8. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.5	48.000.000	79.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		28.883.647.103	5.821.183.425
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		1.440.669.369	8.937.991.736
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	VI.1	1.227.706.039	4.064.823.316
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	VI.2	212.963.330	4.873.168.420
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.6	178.392.826	608.240.887
2.3. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.6	1.347.607.424	2.088.993.815
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.6	241.439.607	253.410.139
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.6	15.849.962.425	12.000.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		19.058.071.651	11.900.636.577
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.7	241.248.617	295.351.615
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		241.248.617	295.351.615
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		-	1.191.781
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		-	1.191.781
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	6.677.330.100	4.415.037.071
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		3.389.493.969	(10.200.330.389)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71		1.500.002.593	26.143.636
8.2. Chi phí khác	72		-	13.061.869
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.9	1.500.002.593	13.081.767
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		4.889.496.562	(10.187.248.622)
9.1. Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện	91		3.179.314.674	(6.876.131.302)
9.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	92		1.710.181.888	(3.311.117.320)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.10	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.10	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		4.889.496.562	(10.187.248.622)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.11a	142	(424)
13.2 Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.11b	142	(424)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



TRẦN SƠN HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

MÃU B03b-CTCK

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2018

đến 30/6/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		4.889.496.562	(10.187.248.622)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(416.536.404.316)	(255.987.109)
- Khấu hao TSCĐ	03		225.219.990	142.793.712
- Các khoản dự phòng	04		(416.462.316.086)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	1.191.781
- Dự thu tiện lãi	08		(299.308.220)	(399.972.602)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		212.963.330	4.873.168.420
Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		212.963.330	4.873.168.420
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(1.923.145.218)	(1.562.051.100)
Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1.923.145.218)	(1.562.051.100)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		426.209.954.989	(377.993.515.348)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		18.037.994.158	(5.972.461.050)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		5.000.000.000	5.000.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		75.000.000	794.953.611
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		37.510.206.284	3.000.000.000
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		261.534.246	348.912.500
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		9.724.751.240	1.415.809.835
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		378.952.109.802	(379.995.353.600)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(16.560.620.906)	(1.624.261.922)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(8.181.996.410)	184.503.579
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(1.889.281.736)	159.577.941
- (-) Lãi vay đã trả	44		-	(1.191.781)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		5.354.915.109	(123.550.638)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		219.160.696	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(1.645.156.091)	(1.038.992.287)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(628.507.750)	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(20.153.653)	(141.461.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		12.852.865.347	(385.125.633.759)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(3.882.226.000)	(136.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(3.882.226.000)	(136.740.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		160.000.000.000	-
2. Tiền vay gốc	73		-	5.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		160.000.000.000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		168.970.639.347	(385.262.373.759)

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	19.245.318.486	399.014.392.685
- Tiền	101.1		1.145.318.486	2.114.392.685
- Các khoản tương đương tiền	101.2		18.100.000.000	396.900.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	188.215.957.833	13.752.018.926
- Tiền	103.1		162.715.957.833	1.752.018.926
- Các khoản tương đương tiền	103.2		25.500.000.000	12.000.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**

1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		91.209.548.500	483.461.582.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	(280.264.837.400)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		34.953.482.476	151.195.016.104
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(125.677.303.907)	(351.756.413.611)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(193.033.463)	(217.496.479)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		292.693.606	2.417.851.414
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.17f	12.270.969.020	23.067.607.138
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		12.270.969.020	23.067.607.138
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		12.270.969.020	23.067.607.138
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	V.17f	12.563.662.626	25.485.458.552
(40 = 20 + 30)				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		12.563.662.626	25.485.458.552
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		12.563.662.626	25.485.458.552

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



TRẦN SON HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

MÃU B04a-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm		Số cuối kỳ	
		01/01/2018	01/1/2019	Từ 01/1/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/1/2019 đến 30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	V.16	290.000.000.000	290.000.000.000	-	160.000.000.000	290.000.000.000	400.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		240.000.000.000	240.000.000.000	-	160.000.000.000	240.000.000.000	400.000.000.000
1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.047.890.198	-	-	-	1.047.890.198	-
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		(222.453.589.373)	(233.115.590.142)	(10.187.248.622)	50.000.000.000	(232.640.837.995)	(178.226.093.580)
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.17	(222.548.691.902)	(231.299.350.642)	(6.876.131.302)	50.000.000.000	(229.424.823.204)	(178.120.035.968)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)		95.102.529	(1.816.239.500)	(3.311.117.320)	1.710.181.888	(3.216.014.791)	(106.057.612)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện		68.594.300.825	56.884.409.858	(10.187.248.622)	210.000.000.000	58.407.052.203	221.773.906.420
Cộng							
II. Thu nhập toàn diện khác							
Cộng							

II. Thu nhập toàn diện khác

Cộng



TRẦN SON HẢI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

MẪU B09a-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
- ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 400.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 40.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 3911 8014

Fax : (84-028) 3911 8015

Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục "Chi phí hoạt động".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê hoạt động

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đường truyền dẫn và chi phí khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

14. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

15. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	31/12/2018
Tiền	162.715.957.833	1.145.318.486
Tiền mặt tại quỹ	2.113.257.925	11.588.733
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	160.602.699.908	1.133.729.753
Các khoản tương đương tiền (i)	25.500.000.000	18.100.000.000
Cộng	188.215.957.833	19.245.318.486

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5% /năm (năm 2018: 5,5%/năm).

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa CTCK	1.918.200	16.998.063.900
Cổ phiếu	1.918.200	16.998.063.900
b) Cửa Nhà đầu tư	7.602.191	98.466.891.300
Cổ phiếu	7.602.191	98.466.891.300
Cộng	9.520.391	115.464.955.200

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	812.626.112	706.568.500	18.850.620.270	17.034.380.770
Công ty Cổ phần DV Du lịch Phú Thọ	803.400.000	704.520.000	1.170.000.000	1.215.000.000
Công ty Cổ phần DV&XD Địa ốc Đất Xanh	-	-	2.877.000.000	2.380.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	5.812.227.363	4.538.400.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	-	-	4.740.000.000	4.800.000.000
Công ty Cổ phần BAMBOO CAPITAL	-	-	2.922.166.795	2.770.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	1.320.000.000	1.329.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các công ty khác	9.226.112	2.048.500	9.226.112	1.980.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.812.626.112	3.706.568.500	21.850.620.270	20.034.380.770

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2019	31/12/2018
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Pvc com Bank	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	15.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	15.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 7,4%/năm (năm 2018: 7%/năm).

c) Các khoản cho vay

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	75.000.000	75.000.000
Cộng	-	-	75.000.000	75.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

	30/6/2019				31/12/2018					
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản tài chính FVTPL	3.812.626.112	3.706.568.500	479.843	(106.537.455)	3.706.568.500	21.850.620.270	20.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	20.034.380.770
Cổ phiếu niêm yết	812.626.112	706.568.500	479.843	(106.537.455)	706.568.500	18.850.620.270	17.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	17.034.380.770
Công ty Cổ phần DV Du lịch Phú Thọ	803.400.000	704.520.000	-	(98.880.000)	704.520.000	1.170.000.000	1.215.000.000	45.000.000	-	1.215.000.000
Công ty Cổ phần DV&XD Địa ốc Đất Xanh	-	-	-	-	-	2.877.000.000	2.380.000.000	-	(497.000.000)	2.380.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	-	-	-	5.812.227.363	4.538.400.000	-	(1.273.827.363)	4.538.400.000
CTCP Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	-	-	-	-	-	4.740.000.000	4.800.000.000	60.000.000	-	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	-	-	-	-	-	2.922.166.795	2.770.000.000	-	(152.166.795)	2.770.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	-	-	-	1.320.000.000	1.329.000.000	9.000.000	-	1.329.000.000
Các công ty khác	9.226.112	2.048.500	479.843	(7.657.455)	2.048.500	9.226.112	1.980.770	395.293	(7.640.635)	1.980.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2019				31/12/2018			
	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này		Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch đánh giá giá lại	
	Giá mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
tổ Vĩnh Long								
Các khoản đầu tư HTM	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	-	-	-	-	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Pvcorn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-	-	-
Bank	-	-	-	-	75.000.000	-	-	75.000.000
Các khoản cho vay								
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	75.000.000	-	-	75.000.000
Cộng	13.812.626.112	13.706.568.500	479.843	13.706.568.500	36.925.620.270	114.395.293	(1.930.634.793)	35.109.380.770

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	30/06/2019	31/12/2018
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	-	37.510.206.284
Phải thu hợp đồng hỗ trợ thanh toán (i) (iii)	-	37.510.206.284
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	-	37.510.206.284
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	299.308.220	261.534.246
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	299.308.220	261.534.246
c) Trả trước cho người bán	1.184.440.824	-
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	7.462.493	9.732.213.733
Phải thu hoạt động dịch vụ	1.962.493	5.220.113.733
Phải thu dịch vụ khác	5.500.000	4.512.100.000
e) Các khoản phải thu khác	-	378.952.109.802
Bà Huỳnh Thị Huyền Như (ii) (iii)	-	378.952.109.802
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5b)</i>	-	378.952.109.802
Cộng	1.491.211.537	426.456.064.065

(i) Đây là các khoản phải thu theo các Hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Đây là khoản tiền liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông với số tiền 380.000.000.000 VND.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm theo Bản án số 219/2018/HS-PT bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380.000.000.000 VND. Trong năm 2018, Công ty đã quyết định sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với số tiền là 1.047.890.198 VND để bù đắp khoản thiệt hại của khoản tiền gửi này, số tiền còn lại sau khi bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 378.952.109.802 VND đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này (xem Thuyết minh số V.5b).

(iii) Trong kỳ, Công ty thực hiện việc xóa nợ tất cả các khoản phải thu đã lâu, không thu hồi được đã được trích lập dự phòng (xem thêm Thuyết minh số V.5).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	30/6/2019			31/12/2018
	Giá trị phải thu khó đòi chiếu	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	
a) Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	V.4a	37.510.206.284	37.510.206.284	37.510.206.284
b) Dự phòng khó đòi phải thu khác	-	-	-	-
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	V.4e	378.952.109.802	378.952.109.802	378.952.109.802
Cộng	-	416.462.316.086	416.462.316.086	416.462.316.086

Công ty thực hiện việc xóa nợ tất cả các khoản phải thu đã lâu, không thu hồi được đã được trích lập dự phòng từ các năm trước với tổng giá trị là 416.462.316.086 VND theo Tờ trình số 05/2019/TT-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 01/2019/BBH-ĐHĐCĐTN ngày 26 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tạm ứng**

	30/6/2019	31/12/2018
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	15.982.291.348	32.400.000
Cộng	15.982.291.348	32.400.000

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	845.050.336	286.772.891
Chi phí thuê đường truyền dẫn	181.036.141	34.557.300
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	3.275.850	9.827.550
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	660.738.345	242.388.041
b) Dài hạn	3.334.078.466	2.003.074.175
Chi phí cải tạo văn phòng	2.607.511.070	1.377.828.811
Chi phí vật dụng văn phòng	477.040.849	269.412.145
Chi phí thuê đường truyền dẫn	99.197.153	193.333.219
Các chi phí trả trước dài hạn khác	150.329.394	162.500.000
Cộng	4.179.128.802	2.289.847.066

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2019	270.600.000	940.454.545	3.494.699.984	4.705.754.529
Tăng trong kỳ	2.844.226.000	-	49.350.000	2.893.576.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
30/6/2019	3.114.826.000	940.454.545	3.544.049.984	7.599.330.529
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2019	22.550.000	666.155.314	3.494.699.984	4.183.405.298
Tăng trong kỳ	128.632.528	78.371.214	2.056.250	209.059.992
Khấu hao trong kỳ	128.632.528	78.371.214	2.056.250	209.059.992
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
30/6/2019	151.182.528	744.526.528	3.496.756.234	4.392.465.290
Giá trị còn lại				
01/01/2019	248.050.000	274.299.231	-	522.349.231
30/6/2019	2.963.643.472	195.928.017	47.293.750	3.206.865.239
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
01/01/2019	-	-	3.544.929.750	3.544.929.750
30/6/2019	-	-	3.494.699.984	3.494.699.984

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/6/2019
Nguyên giá	7.174.617.564	-	-	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	7.099.204.220	16.159.998	-	7.115.364.218
Giá trị còn lại	75.413.344	16.159.998	-	59.253.346

Nguyên giá của TSVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá	<u>7.013.017.564</u>	<u>7.013.017.564</u>
------------	----------------------	----------------------

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2019	31/12/2018
Chi phí nâng cấp Hệ thống lõi chứng khoán InvestExp V4.0	1.125.390.000	136.740.000
Cộng	1.125.390.000	136.740.000

11. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Ký quỹ thuê văn phòng	775.774.125	298.387.800
Ký quỹ sử dụng taxi	13.000.000	8.000.000
Cộng	788.774.125	306.387.800

12. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.002.203.153	3.660.493.058
Tiền lãi phân bổ trong năm	128.343.233	219.394.377
Tiền lãi nhận được	(199.728.173)	(77.412.455)
Cộng	4.050.818.213	3.922.474.980

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2019
Thuế GTGT đầu ra	10.351.067	3.980.880	12.831.947	1.500.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.825.575.061	1.581.822.964	3.218.127.988	1.189.270.037
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>2.542.399.234</i>	<i>144.762.300</i>	<i>2.626.769.487</i>	<i>60.392.047</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>283.175.827</i>	<i>1.437.060.664</i>	<i>591.358.501</i>	<i>1.128.877.990</i>
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	2.835.926.128	1.588.803.844	3.233.959.935	1.190.770.037

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%
- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	30.000.000	97.000.000
Phí giao dịch, lưu ký	36.131.120	65.413.006
Chi phí thù lao HĐQT	671.161.602	709.599.002
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	215.796.482	213.073.606
Cộng	<u>953.089.204</u>	<u>1.085.085.614</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả cổ tức, trái tức	1.640.261.659	1.640.261.659
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	19.412.500	19.412.500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1.620.849.159	1.620.849.159
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.000	20.164.653
Cộng	<u>1.640.272.659</u>	<u>1.660.426.312</u>

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp	400.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần (xem Thuyết minh V.17)	-	50.000.000.000
Cộng	<u>400.000.000.000</u>	<u>290.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình tăng vốn

Trong kỳ, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND từ việc phát hành 16.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019. Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu vào ngày 4 tháng 3 năm 2019 và đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019.

17. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	30/6/2019	31/12/2018
Lỗ lũy kế đầu năm	(233.115.590.142)	(222.453.589.373)
Giảm lỗ từ thặng dư vốn cổ phần (i)	50.000.000.000	-
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong kỳ/ năm	3.179.314.674	(8.750.658.740)
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ/ năm	1.710.181.888	(1.911.342.029)
Lỗ lũy kế cuối kỳ/ năm	(178.226.093.580)	(233.115.590.142)

(i) Trong kỳ, Công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù cho phần lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế) nhằm giảm lỗ lũy kế với số tiền là 50.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

18. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Nợ khó đòi đã xử lý

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	-
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	378.952.109.802	-
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
Cộng	416.991.895.249	529.579.163

b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		
Sàn HOSE	618.670.000	18.900.670.000
Sàn UPCOM	6.300.000	906.300.000
Cộng	624.970.000	19.806.970.000

c) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (theo mệnh giá)

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	482.141.680.000	757.731.600.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	530.410.280.000	416.911.450.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	285.000.000	574.300.000
Cộng	<u>1.012.836.960.000</u>	<u>1.175.217.350.000</u>

e) Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.563.662.626	12.270.969.020
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>12.507.017.606</i>	<i>12.209.825.528</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>56.645.020</i>	<i>61.143.492</i>
Cộng	<u>12.563.662.626</u>	<u>12.270.969.020</u>

f) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.507.017.606	12.209.825.528
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	56.645.020	61.143.492
Cộng	<u>12.563.662.626</u>	<u>12.270.969.020</u>

g) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	<u>1.620.849.159</u>	<u>1.620.849.159</u>
---	----------------------	----------------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
	6 tháng đầu năm 2018			14.584.235.000	18.649.058.316	-	(4.064.823.316)
	GMD	50.000	28.760	1.437.994.000	2.199.750.000	-	(761.756.000)
	HAG	50.000	6.760	338.000.000	372.523.750	-	(34.523.750)
	SD9	140.000	8.322	1.165.060.000	1.386.980.000	-	(221.920.000)
	VPB	100.690	46.114	4.643.181.000	4.689.804.566	-	(46.623.566)
	OTC-DVCIMN	1.000.000	7.000	7.000.000.000	10.000.000.000	-	(3.000.000.000)
	Cộng					(1.227.706.039)	(4.064.823.316)

2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trừ hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	3.812.626.112	3.706.568.500	(106.057.612)	(1.816.239.500)	1.710.181.888	1.923.145.218	(212.963.330)
1	Cổ phiếu niêm yết	812.626.112	706.568.500	(106.057.612)	(1.816.239.500)	1.710.181.888	1.923.145.218	(212.963.330)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	-
	Cộng	13.812.626.112	13.706.568.500	(106.057.612)	(1.816.239.500)	1.710.181.888	1.923.145.218	(212.963.330)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Từ tài sản tài chính FVTPL	45.700	606.150.500
Từ các khoản đầu tư HTM	1.756.458.872	834.074.348
Cộng	1.756.504.572	1.440.224.848

4. Lãi từ các khoản phải thu

Từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	3.977.024	58.620.877
Cộng	3.977.024	58.620.877

5. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	206.211.045	1.721.623.427
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	320.000.000	54.545.455
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	6.065.533.463	217.496.479
Doanh thu hoạt động tư vấn	18.372.500.000	84.673
Doanh thu khác	48.000.000	79.000.000
Cộng	25.012.244.508	2.072.750.034

6. Chi phí các dịch vụ khác

Chi phí hoạt động tự doanh	178.392.826	608.240.887
Chi phí môi giới chứng khoán	1.347.607.424	2.088.993.815
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	241.439.607	253.410.139
Chi phí hoạt động tư vấn	15.849.962.425	12.000.000
Cộng	17.617.402.282	2.962.644.841

7. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	241.248.617	295.351.615
Cộng	241.248.617	295.351.615

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	3.317.904.604	2.452.938.831
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	313.754.826	190.868.430
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	14.227.180	3.691.289
Chi phí công cụ, dụng cụ	194.519.430	254.810.577
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.025.715	81.109.722
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.690.477	1.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.325.733.558	1.213.563.189
Chi phí khác	1.350.474.310	216.255.033
Cộng	6.677.330.100	4.415.037.071

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Thu nhập khác	1.500.002.593	26.143.636
Doanh thu cho thuê xe	-	26.143.636
Xử lý công nợ	1.500.002.593	-
Chi phí khác	-	13.061.869
Chi phí cho thuê xe	-	13.061.869
Lợi nhuận khác thuần	1.500.002.593	13.081.767

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.889.496.562	(10.187.248.622)
Điều chỉnh lợi nhuận (lỗ) kế toán:	366.500.000	350.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	366.500.000	350.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chuyển lỗ	(5.255.996.562)	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	(9.837.248.622)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

11. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.889.496.562	(10.187.248.622)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.889.496.562	(10.187.248.622)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.488.889	24.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	142	(424)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.889.496.562	(10.187.248.622)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	4.889.496.562	(10.187.248.622)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.488.889	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	34.488.889	24.000.000
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	142	(424)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2019	31/12/2018
Trong vòng 1 năm	2.830.527.154	647.468.640
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	15.224.312.594	2.315.779.502
Từ năm 5 năm	279.114.850	-
Cộng	18.333.954.598	2.963.248.142

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan

Bà Trần Thanh Hương
Ông Nguyễn Đình Ngồn
Ông Nguyễn Thế Trung
Bà Bùi Thị Thanh Trà
Bà Võ Thị Xuân Lan

Mối quan hệ

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư
Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ		
Bà Trần Thanh Hương	55.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Ngôn	35.000.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Trung	45.048.219.100	-
Bà Bùi Thị Thanh Trà	35.000.000.000	-
Bà Võ Thị Xuân Lan	103.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	30/6/2019	31/12/2018
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ		
Bà Võ Thị Xuân Lan	3.750.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Thu nhập	1.468.790.800	981.186.565
Cộng	1.468.790.800	981.186.565

3. Báo cáo theo bộ phận

Hội đồng quản trị tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các khoản phải thu, và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả giao dịch chứng khoán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2019	31/12/2018
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.215.957.833	19.245.318.486
Các tài sản tài chính FVTPL	3.706.568.500	20.034.380.770
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	10.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản cho vay	-	75.000.000
Các khoản phải thu	306.770.713	9.993.747.979
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	788.774.125	306.387.800
Cộng	203.018.071.171	64.654.835.035
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	6.943.600.000	404.244.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.050.000.000
Chi phí phải trả	281.927.602	375.486.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.640.272.659	1.660.426.312
Cộng	8.865.800.261	10.085.912.924

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro chủ yếu khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính,...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 706.568.500 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 70.656.850 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu là các khoản phải thu) và hoạt động tài chính (chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2019				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.215.957.833		-	188.215.957.833
Các tài sản tài chính FVTPL	3.706.568.500	-	-	3.706.568.500
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu	306.770.713	-	-	306.770.713
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	788.774.125	-	788.774.125
Cộng	202.229.297.046	788.774.125	-	203.018.071.171
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	6.943.600.000			6.943.600.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	281.927.602	-	-	281.927.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.640.272.659	-	-	1.640.272.659
Cộng	8.865.800.261	-	-	8.865.800.261
Chênh lệch thanh khoản thuần	193.363.496.785	788.774.125	-	194.152.270.910
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.245.318.486		-	19.245.318.486
Các tài sản tài chính FVTPL	20.034.380.770	-	-	20.034.380.770
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Các khoản cho vay	75.000.000	-	-	75.000.000
Các khoản phải thu	9.993.747.979	-	-	9.993.747.979
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	306.387.800	-	306.387.800
Cộng	64.348.447.235	306.387.800	-	64.654.835.035

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.050.000.000	-	8.050.000.000
Chi phí phải trả	375.486.612	-	-	375.486.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.660.426.312	-	-	1.660.426.312
Cộng	2.035.912.924	8.050.000.000	-	10.085.912.924
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.312.534.311	(7.743.612.200)	-	54.568.922.111

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	31/12/2018 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2018 (Được trình bày lại)
Nợ khó đòi đã xử lý	1.058.856.940	(529.277.777)	529.579.163

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



TRẦN SƠN HẢI
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ